

Số Hg5/ĐTMT

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 4 năm 2020

V/v: Công bố thông tin định kỳ

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
  - Mã chứng khoán: UDL
  - Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk;
  - Số điện thoại: 0262. 3816886
  - Số fax: 0262. 3816886
  - Email: dakureneo@moitruongdothidaklak.com.vn

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố thông tin “Báo cáo thường niên năm 2019” được lập theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/4/2020 tại đường dẫn: moitruongdothidaklak.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Website CTy (thay thông báo);
- Lưu: VT



Bùi Văn Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
Số 01 đường Đào Duy Từ - P.Thống Nhất - Tp.Buôn Ma Thuột -- tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**



*Tháng 4 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**Năm 2019**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **DAK LAK URBAN AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Nguyễn Thanh Hà

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Ông Bùi Văn Quý

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk Cấp lần đầu ngày 05/09/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/6/2019.

- Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 66.200.000.000 đồng

- Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk;

- Số điện thoại: 0262. 3816886

- Số fax: 0262. 3816886

- Website: <http://moitruongdothidaklak.com.vn>

- Email: [dakurenco@moitruongdothidaklak.com.vn](mailto:dakurenco@moitruongdothidaklak.com.vn)

- Ngày trở thành công ty đại chúng: 08 tháng 10 năm 2019

- Mã cổ phiếu: UDL

***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường được thành lập theo Quyết định số 732/1999/QĐ-UB ngày 09 tháng 04 năm 1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Thành lập Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích (Trên cơ sở hợp nhất Nhà máy chế biến Phân bón Buôn Ma Thuột và Công ty Quản lý công trình đô thị).

Từ tháng 4 năm 1999 đến tháng 7 năm 2008 Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4006000009 ngày 26/4/1999, cấp lại lần thứ nhất ngày 02/12/2006;

Từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2019, Công ty hoạt động theo mô

hình Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Từ tháng 6/2016 Công ty triển khai thực hiện Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Ngày 31/01/2019, Công ty tổ chức chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng với tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 2.891.200 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Giá trúng cao nhất là 13.700 đồng; giá trúng thấp nhất là 11.600 đồng; giá trúng bình quân là 12.081 đồng với tổng số nhà đầu tư trúng giá là 02 nhà đầu tư.

Ngày 25/6/2019, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000179936 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/6/2019 với vốn điều lệ là 66.200.000.000 đồng.

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 49/2019/GCNCP-VSD, cấp ngày 23/10/2019 với tổng số cổ phiếu đăng ký là: 6.620.000 cổ phiếu.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);

+ Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu, đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường; Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan; Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

+ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải không độc hại...

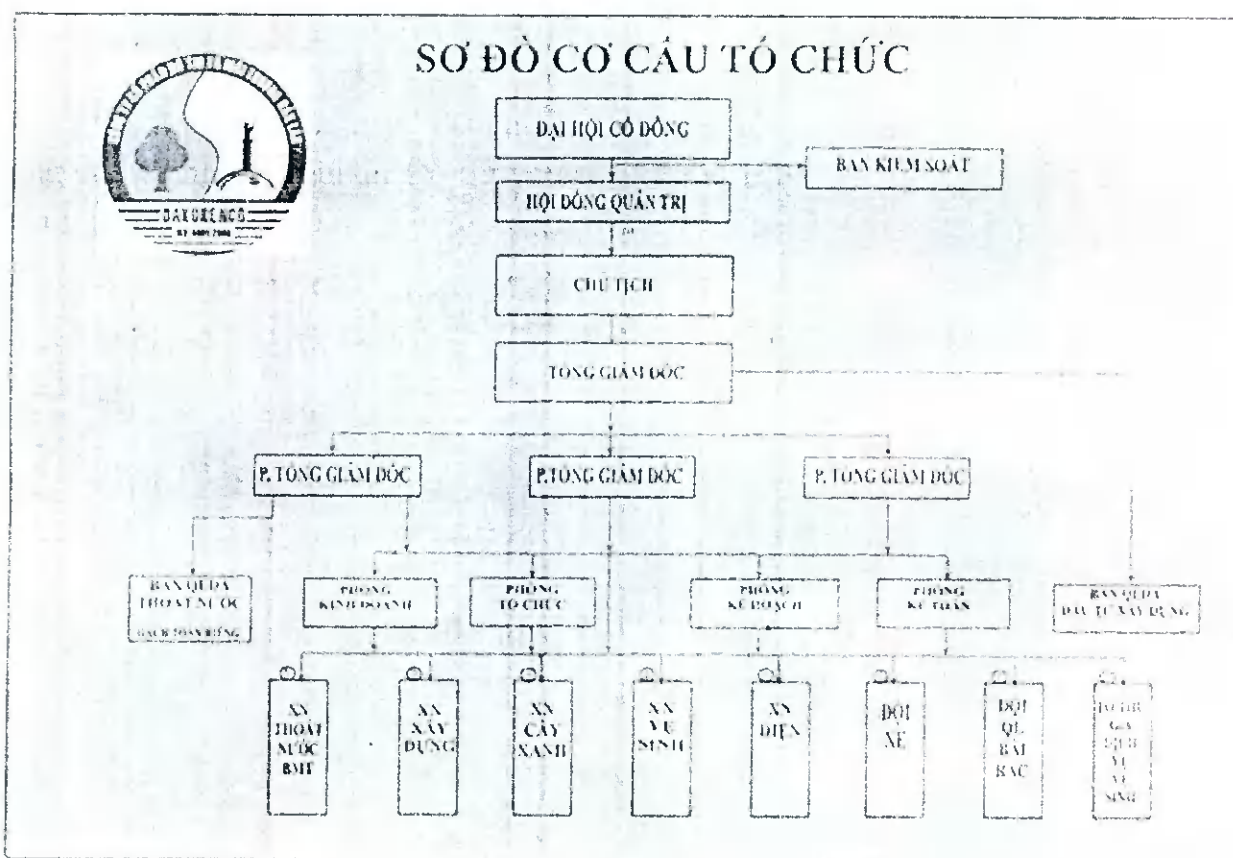
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. *Mô hình quản trị:* Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, cơ cấu tổ chức và quản lý công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.3. *Các công ty con, công ty liên kết:* Không có.

### 4. Định hướng phát triển

#### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột của doanh nghiệp, đồng thời nghiên cứu chuyên hướng phát triển thị trường ở các huyện, thị trấn trong Tỉnh và các Tỉnh lân cận về các mảng cung cấp dịch vụ đô thị (vệ sinh môi trường, điện chiếu sáng, thoát nước...). Tìm kiếm khách hàng các khu công nghiệp trên địa bàn có nhu cầu kiểm soát ô nhiễm.

- Thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng lao động; đổi mới đầu tư công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động điều hành; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.

- Phấn đấu chi trả cổ tức đạt tối thiểu 8%/năm.

#### *4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ của Công ty theo giấy phép kinh doanh, theo hướng hiện đại hóa, phù hợp với xu thế thị trường cũng như quy hoạch phát triển của Tỉnh, Thành phố trong thời gian tới.

- Tiếp tục phát triển mảng lưới dịch vụ công cộng; trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực nhận đặt hàng phục môi trường đô thị với Tỉnh, Thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính quyết định đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; từng bước khai thác thêm một số lĩnh vực dịch vụ theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.

- Xem xét đầu tư có trọng điểm, khai thác và sử dụng có hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hiện có; đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước; tiến tới doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào lợi nhuận của Công ty..

- Bảo toàn và phát triển vốn; doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm, đảm bảo ổn định đời sống, việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

#### *4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững*

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sảng – Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn Tỉnh nói chung và Thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng.

### **5. Các rủi ro**

#### *5.1. Rủi ro về kinh tế*

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Theo thống kê của Tổng cục thống kê, GDP năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%: mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Nền kinh tế phát triển luôn mang theo những điều tích cực về đời sống xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tuy nhiên bên cạnh đó kéo theo

những vấn đề về ô nhiễm môi trường cũng gia tăng nhanh chóng cùng với tốc độ đô thị hóa sẽ vừa là một cơ hội cũng và vừa là một thách thức đối với tất cả các doanh nghiệp, công ty nói chung và đặc biệt đối với những công ty cung cấp dịch vụ công cộng liên quan đến lĩnh vực môi trường đô thị như Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc, nhất là việc đấu thầu các dịch vụ công ích đô thị ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu hàng năm của Công ty nếu không trúng thầu.

### 5.2. *Rủi ro về pháp luật*

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây ra không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc đang đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cũng như hệ thống pháp luật chung đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật để kịp thời áp dụng những quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

### 5.3. *Rủi ro đặc thù*

Trong những năm qua việc triển khai thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột không phải dựa trên căn cứ khối lượng để lập dự toán trình cấp thẩm quyền phê duyệt mà dựa trên nguồn vốn ngân sách thành phố bố trí cho lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị hàng năm, rồi tiến hành rà soát cắt giảm khối lượng, tiết kiệm chi phí theo tỷ lệ cho phù hợp với nguồn vốn được bố trí (hàng năm tỷ lệ tiết kiệm là 12% trên tổng giá trị dịch vụ thanh quyết toán), khối lượng được giao quản lý vận hành, chăm sóc hàng năm tăng nhưng vốn bố trí hàng năm trong những năm gần đây không tăng, đây là vấn đề hết sức khó khăn cho doanh nghiệp khi hoạch định kế hoạch doanh thu và chi phí hàng năm.

Hoạt động của lĩnh vực môi trường đô thị phụ thuộc rất nhiều đến nhận thức của người dân. Một số hộ dân chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong việc bảo vệ tài sản công cộng, cũng như vệ sinh môi trường, vẫn còn tình trạng xả rác, nước thải bừa bãi, đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước thải, mất cấp thiết bị hệ thống điện chiếu sáng công cộng... vì vậy gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

### 5.4. *Rủi ro về môi trường*

Vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung ương, các Bộ, các Ban ngành thường xuyên quan tâm và có hướng chỉ đạo tới các địa phương, doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp trong ngành môi trường phát triển các dịch vụ của

mình là rất lớn.

Áp lực từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trên toàn thế giới đòi hỏi Công ty cần có những kế hoạch, chiến lược phát triển hợp lý để có thể đảm bảo vừa cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời góp phần làm giảm sự ô nhiễm tác động lên biến đổi khí hậu, giảm thiên tai trong khu vực. Trong năm 2019, những đợt mưa lớn đã làm thành phố Buôn Ma Thuột bị ngập nặng, ách tắc giao thông, người dân gặp khó khăn trong việc đi lại, nhiều tài sản bị thiệt hại, công tác vệ sinh môi trường bị ảnh hưởng nặng... Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường nói chung và Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk nói riêng.

### 5.5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: rủi ro do hoả hoạn, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này có thể sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, kể từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2019, với quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, dưới sự lãnh đạo có hiệu quả của Hội đồng quản trị và sự điều hành nhạy bén, sáng tạo, có trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng với sự đoàn kết của toàn thể cán bộ, công nhân lao động nên Công ty đã hoàn thành các kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% thực hiện/kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	118.656	122.590	103,3%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.800	8.494	124,9%
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	đồng	6.500.000	6.500.000	100%

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	2.388.600	36,082%
2	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	5.100	0,077%
4	Phạm Thị Thanh Sương	Phó Tổng Giám đốc	7.000	0,106%
5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	5.700	0,086%

### Lý lịch Ban điều hành

\* Ông **Bùi Văn Quý** – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 22/01/1964
- Nơi sinh: Đông Á – Đông Hưng – Thái Bình
- CMND: 240215182
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 82 Nguyễn Thông, Tp. Buôn Ma Thuột, T.Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Năm 1988 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Liên hiệp các Xí nghiệp Cà phê Đắk Lắk
Năm 1995 - 1999	Cán bộ kỹ thuật nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột, Quản đốc phân xưởng chế biến phân bón Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2000 - 2003	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2004 – 2008	Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2009 – 2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2015	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2016 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.388.600 cổ phần, chiếm 36,082% Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phần, chiếm 0,082% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu của UBND tỉnh Đắk Lắk: 2.383.200 cổ phần, chiếm 36% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan (Em gái: Bùi Thị Ngà): 3.400 cổ phần, chiếm 0,051% Vốn điều lệ.

\* Ông **Nguyễn Hoàng Nam** – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 05/8/1988
- Nơi sinh: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CMND: 240980304
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 149 Y Jút, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 2011 - 2017	Đội trưởng Đội xe Công ty TNHH XD&CD Hoàng Nam
Từ 2017 – 6/2019	Phó Giám đốc Công ty TNHH XD&CD Hoàng Nam
Từ tháng 7/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, Phó Giám đốc Công ty TNHH XD&CD Hoàng Nam; Giám đốc Công ty TNHH Bất động sản Hoàng Anh

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Hoàng Nam (ông Nguyễn Hoàng Nam là Phó Giám đốc): 2.309.700 cổ phần, chiếm 34,89% Vốn điều lệ.

\* Ông **Lê Đình Trung** – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 01/9/1964
  - Nơi sinh: Thanh Nho – Thanh Chương – Nghệ An
  - CMND: 240388633
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Địa chỉ: 40 Lê Chân, P.Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1987 - 1995	Cán bộ Công ty Chăn nuôi Đắk Lắk
Từ 1996 - 2001	Cán bộ Nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột; nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật, Đội phó Đội cây xanh Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Từ 2002 - 2014	Nhân viên, Trưởng bộ phận đấu nối đèn bù giải tỏa Ban quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột; Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.
Từ 2015 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.100 cổ phần, chiếm 0,077%  
Vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 5.100 cổ phần, chiếm 0,077% Vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

\* Bà **Phạm Thị Thanh Sương** – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 01/5/1974
- Nơi sinh: Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CMND: 240559604
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: 112 Nguyễn Trãi, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1997 - 1998	Văn thư Nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột
Từ 1999 - 2000	Kế toán Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột
Từ 2001 - 2005	Nhân viên Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột
Từ 2006 - 2008	Phụ trách Kế toán Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột
Từ 2009 - 2014	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột
Từ 2015 – 6/2019	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Giám đốc Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột
Từ tháng 7/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.000 cổ phần, chiếm 0,106%  
Vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 7.000 cổ phần, chiếm 0,106% Vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan (Chồng: Phạm Quang Ngọc): 3.200 cổ phần, chiếm 0,048% Vốn điều lệ.

\* Ông **Lê Nguyên Vũ** – Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 25/10/1980

- Nơi sinh: Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- CMND: 240559604

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: 26 Trần Nguyên Hân, P. Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Năm 2003 - 2005	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH T.P Việt Nam, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2005 - 2006	Kế toán công nợ Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên, TP. Hồ Chí Minh
Năm 2007 - 2008	Nhân viên chăm sóc phần mềm kế toán Diginet Công ty cổ phần Định Gia Nét, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2008 – 2009	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tư vấn xây dựng nước và môi trường KTV, TP.Buôn Ma Thuột
Năm 2009 -2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2011 – 2013	Phụ trách kế toán Xí nghiệp xây dựng công trình và dịch vụ chi nhánh Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2014	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2014 – 6/2019	Phó phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 07/2019 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.700 cổ phần, chiếm 0,086% Vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 5.700 cổ phần, chiếm 0,086% Vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/7/2019	
2	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/7/2019	
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/7/2019	
4	Phạm Thị Thanh Sương	Phó Tổng Giám đốc	04/7/2019	
5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	04/7/2019	

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty tính đến ngày 31/12/2019 là 727 người, cụ thể:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỉ lệ
<b>A</b>	<b>Trình độ</b>	<b>727</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	5	0,7%
2	Cao đẳng, đại học	140	19,3%
3	Trung cấp	64	8,8%
4	Công nhân kỹ thuật	69	9,4%
5	Lao động phổ thông	449	61,8%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>727</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	32	4,4
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	695	95,6
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	0	0
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>727</b>	<b>100%</b>
1	Nam	398	54,7%
2	Nữ	329	45,3%

### 2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

#### \* Chính sách đào tạo:

Nhìn chung, Công ty có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn trong ngành; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng được khối lượng công việc. Công ty tạo điều kiện về thời gian cho các cá nhân có nhu cầu tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

#### \* Chính sách lương thưởng:

Con người là nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó muốn giữ được người có tay nghề, chuyên môn tốt nhất là người giỏi, Công ty có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động.

Người lao động được trả lương, thưởng theo Quy chế trả lương, Quy chế thưởng của Công ty.

- Người lao động gián tiếp:

+ Trả lương, thưởng theo Quy chế trả lương, Quy chế thưởng của CTy.

+ Bình quân thu nhập người lao động toàn Công ty năm 2019 là 6.500.000 đồng/người/tháng.

+ Chế độ lương thưởng, trợ cấp cho người lao động luôn được chi trả kịp thời.

- Người lao động trực tiếp

+ Khoản sản phẩm

Công ty rất quan tâm đến chất lượng lao động, tay nghề người lao động luôn được nâng cao, tổ chức đào tạo theo định kỳ

Chế độ lương thưởng, trợ cấp cho người lao động luôn được chi trả kịp thời.

Chế độ trợ cấp thăm hỏi luôn được Công ty chú trọng.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc theo quy định hiện hành của nhà nước cho người lao động.

Ngoài ra, Người lao động được hưởng các chế độ phúc lợi của Công ty theo quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi của Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư 01 xe ô tô Hyundai Santafe 7 chỗ với giá trị 1.295.918.182 đồng

- Trụ bơm dầu với giá trị 170.000.000 đồng.

#### b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/ 2018
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.906.368.078.232	1.038.084.460.015	54%
Doanh thu thuần	123.528.951.159	122.415.254.009	99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.398.214.377	11.530.766.705	137%

Lợi nhuận khác	72.057.912	(161.825.665)	-225%
Lợi nhuận trước thuế	8.470.272.289	11.368.941.040	134%
Lợi nhuận sau thuế	6.751.917.379	8.494.471.039	126%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		0,32	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

<i>Chỉ tiêu/ Benchmarks</i>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh án ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,68	0,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,67	0,90	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,90	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,09	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	74,89	77,13	



Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,06	0,12
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,00	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,09

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 6.620.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.620.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 1.265.100 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mã cổ phiếu: UDL
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước			
	- Nhà nước	01	2.383.200	36%
	- Tổ chức	01	2.309.700	34,89%
	- Cá nhân	854	1.927.100	29,11
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>856</b>	<b>6.620.000</b>	<b>100%</b>

#### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu theo từng hạng mục, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tiêu thụ Điện: Trong năm Công ty tiêu thụ 9.989.796 KW điện với tổng số tiền là 20.468.540.918 đồng, trong đó hoạt động điện chiếu sáng công cộng tiêu thụ 9.843.786 KW với giá trị là 20.165.032.701 đồng chiếm 98,54% lượng điện tiêu thụ toàn công ty

- Tiêu thụ Xăng: trong năm công ty tiêu thụ 21.253 lít xăng với giá trị là: 368.339.891 đồng

- Tiêu thụ Dầu Diesel: năm 2019 Công ty tiêu thụ 282.312 lít dầu giá trị là là 4.251.833.695

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

### 6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Trong năm 2019 Công ty chủ yếu sử dụng nước để phục vụ công tác sản xuất kinh doanh (Chăm sóc cây xanh, thảm cỏ)

- Nguồn cung cấp nước: Từ giếng khoan, giếng khơi và nước máy

- Lượng nước sử dụng: 120.166 m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị, Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Công ty đã thực hiện vận hành đúng quy trình, quy phạm; thực hiện quan trắc, kiểm tra môi trường, lập báo cáo giám sát môi trường theo quy định của các Thông tư, Nghị định... Trong quá trình thực hiện công việc, khi phát hiện các đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn và các hộ dân vi phạm các quy định về xả rác thải, nước thải gây ô nhiễm môi trường kịp thời phản ánh lên cấp trên để phối hợp xử lý đúng quy định. Trong năm 2019 Công ty không bị xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động khi bắt đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 01/7/2019 là 775 người; đến ngày 31/12/2019 của Công ty là 727 người, mức lương bình quân năm 2019 là: 6,5 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, bồi dưỡng bằng hiện vật và tổ chức các lớp tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ, công nhân lao động trong toàn Công ty.

- Bên cạnh các chế độ chính sách theo quy định, Công ty còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm thành lập Công ty... tặng quà cho các cháu thiếu nhi có thành tích xuất sắc trong học tập và tết Trung thu (15/8 AL). Chi hỗ trợ tang gia, hiếu hỉ, thăm hỏi ốm đau, hoạn nạn; Tổ chức Tết Sum vầy cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn vui xuân đón tết...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm Công ty tổ chức cho các cán bộ, công nhân lao động đi học hỏi kinh nghiệm ở một số địa phương trên cả nước; tham gia các buổi hội nghị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo chuyên sâu và mở rộng người lao động...

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Hỗ trợ phương tiện, nhân lực phục vụ Lễ trồng cây nhân ngày sinh nhật Bác 19/5 và ngày Môi trường thế giới 05/6.

- Tổ chức phụng dưỡng mẹ VNAH theo chủ trương chung của Nhà nước với số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

- Hoạt động quyên góp, giúp đỡ cộng đồng: Trong năm 2019 Công ty tích

cực tham gia ủng hộ, đóng góp từ cán bộ, công nhân lao động cho công tác xã hội như Quỹ vì người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ mái ấm công đoàn... thực hiện tốt chủ trương của Nhà nước trong công tác kết nghĩa với buôn đồng bào dân tộc thiểu số, thường xuyên cử cán bộ nắm bắt tình hình cũng như hỗ trợ kịp thời trong các dịp lễ tết.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có*

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Năm 2019, mặc dù gặp những khó khăn nhất định do cơ chế, chính sách của Nhà nước, nhưng với những định hướng chiến lược và mục tiêu rõ ràng Công ty vẫn nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành các kế hoạch đề ra, chất lượng dịch vụ được khách hàng tin tưởng, uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, thực hiện tốt cung ứng dịch vụ đô thị công ích, nâng cao hơn nữa khả năng đáp ứng nhanh yêu cầu của các Sở, Ban, Ngành, nhất là Phòng quản lý đô thị trong việc thực hiện các lĩnh vực do Công ty quản lý như: Lĩnh vực duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; chăm sóc cây xanh đường phố, hoa viên, công việc công cộng và chăm sóc cây xanh, thăm cỏ tại Nhà máy thoát nước, chăm sóc và bảo vệ các Rừng: lĩnh vực thoát nước; lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải...

- Tổng doanh thu năm 2019 là 122.590.415.100 đồng đạt 103,3% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là 8.494.471.039 đồng, đạt 124,9% kế hoạch, thu nhập bình quân của người lao động là 6.500.000 đồng/người/tháng đạt 100% kế hoạch. Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **a) Tình hình tài sản**

Ngày 1/7/2019 Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong thời gian 06 tháng cuối năm, Công ty chủ yếu kế thừa tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH 100% vốn nhà nước với các hợp đồng được ký từ đầu năm, chưa có đổi mới trong kế hoạch sản xuất kinh doanh nên hoạt động đầu tư tài sản phục vụ chưa có gì mới, chỉ có mua sắm bổ sung 2 tài sản là 01 xe ô tô Hyundai Santafe 7 chỗ (do xe Mitsubishi Jolie hiện có của công ty hoạt động từ năm 2004 đã khá cũ) và 01 Trụ bơm dầu để chủ động hơn trong việc nhập xuất nhiên liệu cho các xe của Công ty. Còn các phần tài sản khác đang trong quá trình bàn giao vốn nhà nước nên cũng chưa có biến động gì nhiều.

##### **b) Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Công ty hoạt động

sản xuất kinh doanh chính ở trong lĩnh vực công ích, đa số công nợ là các đơn vị nhà nước đặt hàng công ty thực hiện như UBND thành phố, Sở Văn hóa thể thao và du lịch,... nên tình hình biến động nợ không đáng kể, khi các dịch vụ được nghiệm thu và có kế hoạch vốn công ty đều được trả nợ kịp thời. Công nợ tồn đọng chủ yếu của Công ty là công nợ các Xí nghiệp sản xuất kinh doanh giai đoạn Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước nhưng hiện ngân sách chưa bố trí vốn nên chưa được thanh toán với tổng số tiền là: 1.578.572.000 đồng.

Trong năm 2019 Công ty thực hiện trích dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền là 154.655.109 đồng, tuy nhiên đây chỉ là khoản trích lại phần đã trích trước từ những năm trước, nhưng phải hoàn nhập theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Từ ngày 01/7/2019 khi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức của Công ty có sự thay đổi từ 4 phòng, 02 ban, 07 xí nghiệp, 03 đội xuống còn 4 Phòng chức năng; 02 Ban; 05 Xí nghiệp, 02 Đội và 01 Tổ trực thuộc. Công ty tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp, cụ thể Công ty hoàn thiện và ban hành lại Quy chế quản lý tài sản, Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, thang bảng lương...

Triển khai tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc theo hướng đánh giá, sắp xếp lại lao động gián tiếp, sáp nhập lại các đơn vị trực thuộc, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ theo hướng tinh gọn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển của đơn vị, tạo điều kiện cho cán bộ nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### *4.1. Mục tiêu*

- Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ các cơ quan, ban ngành, phát triển bền vững hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực đô thị công ích.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Doanh nghiệp

- Hoàn thành vượt chỉ tiêu tài chính năm 2020

- Thực hiện tốt công tác chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, đảm bảo thu nhập trung bình luôn vượt cao hơn mức thu nhập trong thỏa ước lao động tập thể, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động.

#### 4.2. Các chỉ tiêu kinh tế

Phần đầu doanh thu năm 2020 đạt trên 128 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ các lĩnh vực công ích đô thị đạt trên 84 tỷ đồng. Cụ thể:

- Vốn điều lệ:	66.200.000.000 đồng
- Tổng doanh thu:	128.448.000.000 đồng
- Tổng chi phí:	119.615.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	7.066.000.000 đồng
- Thu nhập bình quân:	6.630.000 đồng/người/tháng
- Cổ tức:	8,4%

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Lực lượng lao động đóng vai trò quan trọng trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó, chăm lo đời sống người lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm thực hiện, tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty. Bên cạnh đó, tổ chức Công đoàn cũng có những động viên tinh thần lẫn vật chất cho người lao động. Sự quan tâm của Ban lãnh đạo Công ty đã góp phần tạo tâm lý ổn định và nâng cao cuộc sống cho người lao động, giúp họ thật sự yên tâm, lao động hăng say, giữ gìn Thành phố Buôn Ma Thuột Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Cùng với hoàn thành nhiệm vụ công tác chuyên môn, công ty còn chú trọng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống lụt bão, Quỹ đền ơn đáp nghĩa... và nhiều chương trình khác.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2019, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty so với năm 2018 về cơ bản là ổn định, các chỉ tiêu về tiền lương, lợi nhuận luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra, đem đến tín hiệu tích cực cho Công ty trong giai đoạn đầu sau khi cổ phần hóa. Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành luôn thực hiện đầy đủ

quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình và đề xuất các biện pháp xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty mới chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, do đó, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần.

Trong năm, Ban điều hành đã đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, thực hành tiết kiệm tương đối hiệu quả, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động đúng quy định của Nhà nước và của Công ty. Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, đóng thuế đầy đủ và kịp thời.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Kể từ thời điểm đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả những vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển Công ty.

- Ban Tổng giám đốc là những người có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao và năng động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2019, Ban Tổng giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tiếp tục triển khai các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty.

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, đổi mới phương pháp tổ chức, nâng cao chất lượng phục vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

- Phân bổ lực lượng lao động hợp lý, sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn đảm bảo linh hoạt và hiệu quả, chủ động trong công tác quản lý điều hành.

- Đầu tư trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: xe cuốn ép rác, xe cần cẩu, xe quét hút liên hợp...

- Đầu tư mở rộng một số ngành nghề kinh doanh của Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng!

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 4 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Bùi Văn Quý*



**CÔNG TY TNHH MTV ĐÔ THỊ  
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

## BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, gọi tắt là "Công ty") công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán.

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường, được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2008. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 25/06/2019.

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019.

**Vốn điều lệ:** 66.200.000.000 đồng.

**Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 30/06/2019:** 66.200.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 3813047
- Fax: (0262) 3813047

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ công ích.

### Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cô thâm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyên và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 gồm có:

**Hội đồng thành viên**

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Minh Sơn | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 01/08/2013 |
| • Ông Lê Đình Trung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014     |
| • Ông Bùi Văn Quý   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/06/2015     |

**Kiểm soát viên**

- |                      |                |                              |
|----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Diệp | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm lại ngày 16/09/2014 |
|----------------------|----------------|------------------------------|

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                |                              |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Văn Quý         | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 12/06/2015     |
| • Ông Lê Đình Trung       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/04/2014     |
| • Bà Phạm Thị Thanh Sương | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 31/07/2015     |
| • Ông Lê Văn Chính        | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/07/2015 |

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng điều hành Công ty Cổ phần từ ngày 01/07/2019 đến ngày lập báo cáo này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- |                        |            |                          |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Hà  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Ông Bùi Văn Quý      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Ông Lê Đình Trung    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Ông Ngô Văn Lui      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |

**Ban Kiểm soát**

- |                           |            |                          |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Lê Văn Chính        | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Bà Phan Thị Thùy Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Bà Phan Lê Diễm Châu    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                   |                          |
|---------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Bùi Văn Quý         | Tổng giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam    | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |
| • Ông Lê Đình Trung       | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |
| • Bà Phạm Thị Thanh Sương | Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |
| • Ông Lê Nguyên Vũ        | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 bao gồm:

- |                   |          |                          |
|-------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Bùi Văn Quý | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/06/2015 |
|-------------------|----------|--------------------------|

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/07/2019 đến ngày lập báo cáo bao gồm:

- |                       |                            |                          |
|-----------------------|----------------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Hà | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Bổ nhiệm ngày 16/05/2019 |
| • Ông Bùi Văn Quý     | Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 04/07/2019 |

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: Tầng 19, Khu văn phòng Tòa nhà Indochina, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: số 270 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 0236.3691789; Fax: 0236.3691188; Website: avnaudit.com.vn).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Văn Quý

Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 11 năm 2019



Số: 130/2019/BCKT-TC-AVN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Ban chỉ đạo cổ phần hóa  
Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa  
Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường ĐẮC LẮK (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường ĐẮC LẮK)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường ĐẮC LẮK (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường ĐẮC LẮK, gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 11 năm 2019, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này của Công ty được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với các quy định tại chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần như được trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần như được trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắc Lắc tại ngày 30/06/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần như được trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính – Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty không thuộc đối tượng lập báo cáo tài chính giữa niên độ, theo đó Công ty không lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 vì vậy không có kỳ báo cáo tương ứng để trình bày số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty, Công ty lập báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 với các nghiệp vụ xử lý tài chính tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền khi Công ty thực hiện quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
3. Như trình bày tại Mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc là Ban Quản lý dự án Thoát nước Thành phố Buôn Ma Thuột, tuy nhiên chúng tôi xin nhấn mạnh với người đọc báo cáo tài chính rằng số liệu trên Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty không bao gồm số liệu đơn vị này.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



*Phạm Trần Hòa*

**Dỗ Phú Thọ**

P. Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1446-2018-231-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2019

**Phạm Trần Hòa**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4903-2019-231-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>82.701.020.545</b>	<b>104.229.858.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>58.432.905.280</b>	<b>64.610.240.582</b>
1. Tiền	111	5	28.432.905.280	33.610.240.582
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	30.000.000.000	31.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.239.287.421</b>	<b>38.379.376.992</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.836.813.564	31.401.725.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.186.849.090	3.665.979.291
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.215.624.767	3.442.387.265
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	-	(130.715.053)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.600.693.620</b>	<b>1.198.333.558</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	1.600.693.620	1.198.333.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>428.134.224</b>	<b>41.907.718</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.954.204	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	405.180.020	41.907.718
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.003.068.249.487</b>	<b>983.896.039.358</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.041.021.160</b>	<b>165.074.841.231</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	153.041.021.160	165.074.841.231
- Nguyên giá	222		303.103.170.174	316.221.284.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.062.149.014)	(151.146.443.443)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		208.000.000	208.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(208.000.000)	(208.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>849.260.980.063</b>	<b>818.242.180.024</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	849.260.980.063	818.242.180.024
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>766.248.264</b>	<b>579.018.103</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	766.248.264	579.018.103
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.085.769.270.032</b>	<b>1.088.125.898.208</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88.887.037.154</b>	<b>154.331.479.370</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.887.037.154</b>	<b>154.331.479.370</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	22.241.785.881	75.879.914.454
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.401.337.912	2.260.409.812
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	4.155.047.051	1.737.752.716
4. Phải trả người lao động	314		8.849.861.836	20.757.182.425
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		346.340.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	40.882.608.494	33.358.834.345
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.010.055.980	20.337.385.618
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>996.882.232.878</b>	<b>933.794.418.838</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>66.200.000.000</b>	<b>83.453.713.048</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	66.200.000.000	75.814.321.669
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	-	887.474.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	-	6.751.917.379
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	6.751.917.379
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>930.682.232.878</b>	<b>850.340.705.790</b>
1. Nguồn kinh phí	431		834.031.695.698	751.077.970.017
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		96.650.537.180	99.262.735.773
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.085.769.270.032</b>	<b>1.088.125.898.208</b>



Trần Thị Thảo  
Người lập biểu



Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Quý  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 11 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019	Năm trước
			đến ngày 30/06/2019	VND
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	64.013.957.497	133.926.046.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	147.036.909	10.397.095.812
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		63.866.920.588	123.528.951.159
4. Giá vốn hàng bán	11	25	51.532.225.779	104.853.233.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>12.334.694.809</b>	<b>18.675.717.746</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	723.583.579	1.448.386.085
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.755.402.656	11.725.889.454
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>7.302.875.732</b>	<b>8.398.214.377</b>
11. Thu nhập khác	31	28	260.562.633	98.465.912
12. Chi phí khác	32	29	452.864.658	26.408.000
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(192.302.025)</b>	<b>72.057.912</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	<b>7.110.573.707</b>	<b>8.470.272.289</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.004.164.604	1.718.354.910
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>5.106.409.103</b>	<b>6.751.917.379</b>

Trần Thị Thảo  
Người lập biểu

Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Quý  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 11 năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	79.306.768.455	131.706.200.532
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(15.744.554.605)	(35.044.176.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.242.154.351)	(55.704.304.407)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.029.631.621)	(1.545.270.968)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	54.633.272.443	44.707.347.472
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(59.649.587.758)	(74.345.044.120)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.274.112.563</b>	<b>9.774.752.507</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.077.400.667)	(2.138.935.449)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	636.418.282	1.463.474.150
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.440.982.385)</b>	<b>(175.461.299)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(6.166.869.822)</b>	<b>9.599.291.208</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	64.610.240.582	55.010.341.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(10.465.480)	608.083
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>58.432.905.280</b>	<b>64.610.240.582</b>



Trần Thị Thảo  
Người lập biểu



Lê Văn Chính  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Quý  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 11 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thành lập.

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ công ích.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Riêng hoạt động xây lắp, chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể quá 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Dịch vụ	Số 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Nghĩa trang	Tổ dân phố 7, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập:**

Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột; địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.1, Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 nhằm mục đích phục vụ công tác bàn giao vốn Nhà nước khi chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Theo đó, Công ty không lập báo cáo cho kỳ báo cáo 6 tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để trình bày số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng.

**2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019; nhằm cung cấp bổ sung thông tin tài chính để phục vụ cho công tác bàn giao vốn Nhà nước khi chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 (ngày cuối cùng trước thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 07 năm 2019). Báo cáo tài chính của Công ty này chỉ được sử dụng để cung cấp bổ sung các thông tin tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 để phục vụ công tác bàn giao vốn Nhà nước khi chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Công ty lập báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 với các nghiệp vụ xử lý tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, báo cáo tài chính được lập theo các quy định nêu trên phải được thẩm tra và phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày lập báo cáo tài chính của Công ty, Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Theo đó, số liệu các khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 có thể thay đổi tùy thuộc vào việc phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đắk Lắk.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đắk Lắk.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ. Theo Điều 21 - xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, số dư dự phòng các khoản phải thu khó đòi (nếu có) được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Công ty không trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo Điều 21 - xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (... năm/tháng).
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	3 - 5

**4.8 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty/Doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3 - 8

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

### 4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

### 4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

### 4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính) được phân phối theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Thủ tướng chính phủ và thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận trả cho chủ sở hữu không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
  - ✓ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
  - ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
  - ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
  - ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  - ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
  - ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

  - ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
  - ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ năm tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

**4.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:
  - ✓ Đối với Dịch vụ phục vụ công cộng: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, Dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Các hoạt động khác: Áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.23 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, trái phiếu, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.24 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.25 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	958.714.327	602.742.501
Tiền gửi ngân hàng	27.474.190.953	33.007.498.081
<b>Cộng</b>	<b>28.432.905.280</b>	<b>33.610.240.582</b>

**6. Các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đắk Lắk	-	-
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đắk Lắk	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đắk Lắk	-	-
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	10.000.000.000	11.000.000.000
- Ngân hàng NN & PT NT Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2019	01/01/2019
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số ...)</i>	-	-
<b>Phải thu khách hàng là các đối tượng khác</b>	<b>18.836.813.564</b>	<b>31.401.725.489</b>
Phòng quản lý đô thị	11.989.975.962	23.698.812.962
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	945.029.736	2.005.702.848
Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường (*)	1.115.375.000	1.662.768.401
Phòng Tài chính KH Thành Phố	2.191.514.000	2.227.301.000
Các đối tượng khác	2.594.918.866	1.807.140.278
<b>Cộng</b>	<b>18.836.813.564</b>	<b>31.401.725.489</b>

(\*) Khoản Xí nghiệp xây dựng phải thu Công ty về giá trị khối lượng xây dựng các công trình đầu tư XDCB do Công ty thay nhà nước làm chủ đầu tư, đã có nghiệm thu nhưng chưa thanh toán vì Ngân sách chưa bố trí vốn cho các công trình này. Công ty không phản ánh phần công nợ này vào Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số ...)	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	2.186.849.090	3.665.979.291
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng	1.888.708.000	2.324.870.000
Công ty TNHH Xây dựng Phú Cường	-	1.000.000.000
Các đối tượng khác	298.141.090	341.109.291
<b>Cộng</b>	<b>2.186.849.090</b>	<b>3.665.979.291</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	831.122.920	-
Tạm ứng	179.587.356	-	1.445.403.521	-
Lãi dự thu	87.165.297	-	87.111.491	-
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	124.117.950	-	-	-
TT phát triển quỹ đất TP BMT	390.670.000	-	-	-
Phải thu khác	434.084.164	-	1.078.749.333	-
<b>Cộng</b>	<b>1.215.624.767</b>	<b>-</b>	<b>3.442.387.265</b>	<b>-</b>

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	130.715.053
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>130.715.053</b>

**11. Các khoản nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	30/06/2019	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Phòng Giáo dục TP Buôn Ma Thuột	Từ 3 năm trở lên	29.002.000	-
Lâm Thanh Phong	Từ 3 năm trở lên	48.371.106	-
<b>Trả trước người bán</b>			
Công ty thiết kế kỹ thuật PA	Từ 3 năm trở lên	7.113.157	7.113.157
TT kỹ thuật địa chính	Từ 3 năm trở lên	16.516.000	16.516.000
Công Ty TNHH tư vấn kiến trúc Ban M	Từ 3 năm trở lên	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trí Tín	Từ 3 năm trở lên	57.282.000	57.282.000
<b>Cộng</b>		<b>178.284.263</b>	<b>100.911.157</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**12. Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	314.757.162	-	159.488.634	-
Công cụ, dụng cụ	24.596.323	-	57.315.846	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.261.340.135	-	981.529.078	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.693.620</b>	<b>-</b>	<b>1.198.333.558</b>	<b>-</b>

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	214.793.524.388	39.045.046.024	60.973.107.575	1.378.246.687	31.360.000	316.221.284.674
Giảm khác	(10.697.202.000)	(1.483.101.500)	(937.811.000)	-	-	(13.118.114.500)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>204.096.322.388</b>	<b>37.561.944.524</b>	<b>60.035.296.575</b>	<b>1.378.246.687</b>	<b>31.360.000</b>	<b>303.103.170.174</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu kỳ	92.568.353.575	12.615.187.119	44.902.405.517	1.029.137.232	31.360.000	151.146.443.443
Khấu hao trong kỳ	2.754.560.000	173.890.000	162.871.000	50.085.000	-	3.141.406.000
Tăng khác (*)	539.026.500	359.420.500	1.485.423.571	22.914.000	-	2.406.784.571
Giảm khác	(4.296.709.000)	(1.397.965.000)	(937.811.000)	-	-	(6.632.485.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>91.565.231.075</b>	<b>11.750.532.619</b>	<b>45.612.889.088</b>	<b>1.102.136.232</b>	<b>31.360.000</b>	<b>150.062.149.014</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	122.225.170.813	26.429.858.905	16.070.702.058	349.109.455	-	165.074.841.231
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>112.531.091.313</b>	<b>25.811.411.905</b>	<b>14.422.407.487</b>	<b>276.110.455</b>	<b>-</b>	<b>153.041.021.160</b>

Nguyên giá TSCĐHH đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 45.840.137.388 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ HH đã dùng cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2019 là 0 đồng.

Không có TSCĐ HH không cần dùng chờ thanh lý bán tại ngày 30/06/2019.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 30/06/2019 bao gồm giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác với số tiền là 32.928.110.482 đồng. Chi tiết:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		<b>22.217.357.133</b>	<b>0</b>	<b>22.217.357.133</b>
1	Máy đầm rác Caterpillar		8.798.483.699	0	8.798.483.699
2	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	0	7.818.634.547
3	Máy đào bánh xích Caterpillar	47XA-1048	5.600.238.887	0	5.600.238.887
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>		<b>10.710.753.349</b>	<b>1.103.919.500</b>	<b>9.606.833.849</b>
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	121.037.000	1.581.046.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	152.397.000	1.990.682.465
3	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15655	1.647.059.493	243.578.500	1.403.480.993
4	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15642	1.647.059.493	177.078.500	1.469.980.993
5	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15640	1.647.059.493	126.095.500	1.520.963.993
6	Xe cuốn ép rác 15m <sup>3</sup>	47C-15575	1.924.412.297	283.733.000	1.640.679.297
<b>Cộng</b>			<b>32.928.110.482</b>	<b>1.103.919.500</b>	<b>31.824.190.982</b>

Trong tổng tài sản cố định hữu hình trên có một số tài sản cố định hữu hình sử dụng cho hoạt động phúc lợi, hoạt động sự nghiệp Công ty được Nhà nước giao quản lý, sử dụng. Tại ngày 30/06/2019 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P. tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	183.219.974.326	4.271.172.000	3.427.284.000	-	-	190.918.430.326
Khấu hao	84.097.881.900	3.662.557.000	1.526.161.000	-	-	89.286.599.900
Giá trị còn lại	99.122.092.426	608.615.000	1.901.123.000	-	-	101.631.830.426

Tài sản cố định hữu hình được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại ngày 30/06/2019 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P. tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	20.876.348.062	33.290.772.524	56.608.012.575	1.378.246.687	31.360.000	112.184.739.848
Khấu hao	7.467.349.175	8.087.975.619	44.086.728.088	1.102.136.232	31.360.000	60.775.549.114
Giá trị còn lại	13.408.998.887	25.202.796.905	12.521.284.487	276.110.455	-	51.409.190.734

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	208.000.000	208.000.000
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	208.000.000	208.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCDVH đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 208.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ HH đã dùng cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2019 là 0 đồng.

Không có TSCĐ HH không cần dùng chờ thanh lý bán tại ngày 30/06/2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2019	01/01/2019
Xây dựng cơ bản	849.260.980.063	818.242.180.024
- Bãi chôn chất thải rắn	6.341.692.000	-
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngõ gia tự- Tôn đức thắng	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT công viên Tân Thành (Công viên Sơn La) thành phố Buôn Ma Thuột	6.024.313.000	6.024.313.000
- CT Hỗ trợ di dời mộ tại Ngĩa trang Phan Bội Châu	11.536.921.040	11.536.921.040
- Công trình Cải tạo nâng cấp HT mương thoát nước phường Tân Tiến	41.918.519.000	34.300.000.000
- CT cải tạo vỉa hè đường Đinh Tiên Hoàng	1.947.375.000	-
- Nâng cấp đường giải phóng	-	22.258.618.460
- CT mở rộng nâng cấp đường y nông đoạn từ MXT đến TLI	23.952.102.059	13.895.825.059
- CT đường vào Viện KHCN nông lâm nghiệp Tây Nguyên	20.511.243.040	20.511.243.040
- CT Đường liên khối 6 P. Khánh Xuân	15.222.608.000	15.222.608.000
- Thâm BTN 06 trục đường nội thành	25.348.882.000	24.798.260.000
- Công trình đường đi thôn 8 xã Cư ê bua	16.319.267.662	16.300.000.000
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	216.581.159.246	219.104.805.632
- CT mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý cấp ( đoạn Ywang - NV cừ)	287.748.230.016	283.722.509.836
- Thâm BTN một số tuyến đường thành phố BMT (50 tuyến)	66.093.638.000	41.590.500.000
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	60.686.961.000	59.456.960.000
- CT Hệ thống điện CS đường vành đai phía tây	38.644.897.000	35.095.622.000
- Công viên Sơn La TP Buôn Ma Thuột (giai đoạn 2)	6.778.687.000	-
- Các công trình khác	-	10.819.508.957
<b>Cộng</b>	<b>849.260.980.063</b>	<b>818.242.180.024</b>

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Văn phòng Công ty	757.097.980	564.128.178
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	220.627.743	315.349.928
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	536.470.237	248.778.250
Xí nghiệp Xây dựng và quản lý nghĩa trang	9.150.284	14.889.925
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	9.150.284	14.889.925
<b>Cộng</b>	<b>766.248.264</b>	<b>579.018.103</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số ...)</i>	-	-
<b>Phải trả người bán là các đối tượng khác</b>	<b>22.241.785.881</b>	<b>75.879.914.454</b>
Phạm Vĩnh Nguyên	-	2.435.166.226
Công Ty TNHH An Nguyễn	8.152.055.000	29.861.387.000
Công ty TNHH XDCC Hoàng Nam	9.588.059.000	35.309.308.000
Công ty TNHH Phương Đông	-	6.002.847.600
Các đối tượng khác	4.501.671.881	2.271.205.628
<b>Cộng</b>	<b>22.241.785.881</b>	<b>75.879.914.454</b>

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số ...)</i>	-	-
<b>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>1.401.337.912</b>	<b>2.260.409.812</b>
Công ty TNHH MTV MT	331.808.912	331.808.912
Các đối tượng khác	1.069.529.000	1.928.600.900
<b>Cộng</b>	<b>1.401.337.912</b>	<b>2.260.409.812</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	791.048.181	2.983.362.230	3.175.176.268	88.939.505	599.234.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	917.430.535	2.004.164.604	1.029.631.621	-	1.891.963.518
Thuế thu nhập cá nhân	41.907.718	29.274.000	1.091.584.096	1.051.018.988	-	27.931.390
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	316.240.515	632.481.030	316.240.515	-
Các loại thuế khác	-	-	284.164.985	144.493.667	-	139.671.318
Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách	-	-	1.496.246.682	-	-	1.496.246.682
<b>Cộng</b>	<b>41.907.718</b>	<b>1.737.752.716</b>	<b>8.175.763.112</b>	<b>6.032.801.574</b>	<b>405.180.020</b>	<b>4.155.047.051</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***20. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019	01/01/2019
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số ...)</i>	-	-
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>40.882.608.494</b>	<b>33.358.834.345</b>
Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk (*)	32.928.110.482	32.928.110.482
Kinh phí công đoàn	133.511.833	71.053.387
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	567.581.160	-
Phải trả về cổ phần hóa (**)	6.843.152.882	-
Các khoản phải trả khác	410.252.137	359.670.476
<b>Cộng</b>	<b>40.882.608.494</b>	<b>33.358.834.345</b>

(\*) Đây là giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác với giá trị là 32.928.110.482 đồng.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 66.200.000.000 VND, phần giá trị còn lại 6.798.170.162 đồng được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Đồng thời trong tổng số dư phải trả về cổ phần hóa này bao gồm chênh lệch các khoản phải thu – phải trả liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Công ty như các khoản chi phí cổ phần hóa, chi chế độ lao động dôi dư, thu tiền bán cổ phần. Tại thời điểm lập báo cáo này các khoản thu chi trên chưa có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>76.701.795.669</b>	-	<b>6.258.621.641</b>	<b>83.453.713.048</b>
Tăng trong năm	-	887.474.000	6.751.917.379	7.639.391.379
Giảm trong năm	(887.474.000)	-	(6.258.621.641)	(7.146.095.641)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>75.814.321.669</b>	<b>887.474.000</b>	<b>6.751.917.379</b>	<b>83.947.008.786</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>75.814.321.669</b>	<b>887.474.000</b>	<b>6.751.917.379</b>	<b>83.453.713.048</b>
Tăng trong kỳ	-	3.077.086.400	5.106.409.103	8.183.495.503
Tăng khác	273.311.000	-	-	273.311.000
Trích lập các quỹ	-	-	(10.362.079.800)	(10.362.079.800)
Phải trả về CPH	(2.833.609.762)	(3.964.560.400)	-	(6.798.170.162)
Nộp về NSNN	-	-	(1.496.246.682)	(1.496.246.682)
Giảm khác (i)	(7.054.022.907)	-	-	(7.054.022.907)
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>66.200.000.000</b>	-	-	<b>66.200.000.000</b>

(i) Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm là giá trị còn lại của những TSCĐ hữu hình trước đây sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phương án cổ phần hóa được UBND tỉnh phê duyệt những tài sản cố định này chuyển sang sử dụng cho hoạt động sự nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2019	01/01/2019
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	66.200.000.000	75.814.321.669
<b>Cộng</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>75.814.321.669</b>

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.751.917.379	6.133.150.954
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	5.106.409.103	6.751.917.379
Phân phối lợi nhuận	11.858.326.482	6.133.150.954
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.453.384.379	6.133.150.954
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.935.450.400	5.885.150.954
- Trích quỹ khen thưởng BQL điều hành	-	248.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.517.933.979	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	5.404.942.103	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.349.543.000	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.559.152.421	-
- Lợi nhuận còn lại nộp về Nhà nước	1.496.246.682	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>-</b>	<b>6.751.917.379</b>

**22. Tài khoản ngoài bảng****21.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	Nguyên giá	30/06/2019	
		Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	1.317.235.500	1.317.235.500	-
- Máy móc thiết bị	1.050.235.500	1.050.235.500	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-

**21.2 Ngoại tệ các loại**

Chỉ tiêu	30/06/2019
Ngoại tệ các loại	
- USD	1.885,12

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thuyết minh số ...)</i>	-	-
<b>Doanh thu đối với các đối tượng khác</b>	<b>64.013.957.497</b>	<b>133.926.046.971</b>
Doanh thu bán hàng hóa	978.075.520	546.981.326
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.696.719.229	110.995.407.720
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.339.162.748	22.383.657.925
<b>Cộng</b>	<b>64.013.957.497</b>	<b>133.926.046.971</b>

**24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Giảm giá hàng bán	147.036.909	10.397.095.812
<b>Cộng</b>	<b>147.036.909</b>	<b>10.397.095.812</b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	502.871.860	530.162.049
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.945.871.101	84.367.985.776
Giá vốn của hoạt động xây lắp	10.083.482.818	19.955.085.588
<b>Cộng</b>	<b>51.532.225.779</b>	<b>104.853.233.413</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	723.583.579	1.448.386.085
<b>Cộng</b>	<b>723.583.579</b>	<b>1.448.386.085</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	152.476.765	370.404.431
Chi phí nhân viên quản lý	3.463.588.716	8.057.734.386
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	104.949.500	211.238.500
Chi phí dự phòng	(130.715.053)	121.002.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.334.255	1.482.639.272
Chi phí khác bằng tiền	1.638.768.473	1.482.870.602
<b>Cộng</b>	<b>5.755.402.656</b>	<b>11.725.889.454</b>

**28. Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán TSLĐ	32.030.454	50.382.728
Thu tiền bán hồ sơ thầu	-	21.818.184
Thu bồi thường	32.938.000	-
Các khoản khác	195.594.179	26.265.000
<b>Cộng</b>	<b>260.562.633</b>	<b>98.465.912</b>

**29. Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Chi phí làm hồ sơ thầu	-	8.207.000
Phạt vi phạm hành chính, thuế	344.060.251	-
Chi phí sửa chữa điện hỏng đã được bồi thường	27.082.000	-
Các khoản khác	81.722.407	18.201.000
<b>Cộng</b>	<b>452.864.658</b>	<b>26.408.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.110.573.707	8.470.272.289
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	856.578.888	121.502.263
Điều chỉnh tăng	856.578.888	121.502.263
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	344.060.251	-
- Các khoản chi phí không được trừ	464.720.455	121.502.263
- Tiền thu cho thuê mặt bằng đã nộp về ngân sách	47.798.182	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.967.152.595	8.591.774.552
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.593.430.519	1.718.354.910
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	410.734.085	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.004.164.604</b>	<b>1.718.354.910</b>

**31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.527.328.487	28.383.622.826
Chi phí nhân công	34.320.751.095	75.942.653.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.406.784.571	3.954.286.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.011.617.068	4.560.984.315
Chi phí khác bằng tiền	4.726.484.965	3.175.215.118
<b>Cộng</b>	<b>56.992.966.186</b>	<b>116.016.762.098</b>

**32. Báo cáo bộ phận**

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là dịch vụ xây lắp, thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, quản lý vận hành chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**33. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, eam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 06 năm 2019 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố thông tin trong báo cáo tài chính. Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 chỉ mang tính tham khảo không thể so sánh được.

**Trần Thị Thảo**

Người lập biểu

**Lê Văn Chính**

Kế toán trưởng

**Bùi Văn Quý**

Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 11 năm 2019

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019	12 - 41

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk  
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường, được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2008. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 25/06/2019.

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019.

Ngày 23/10/2019 Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là UDL.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2019: 66.200.000.000 đồng.

### **Trụ sở chính**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3813047

Fax: (0262) 3813047

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thug om vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

### **2. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp Trữ sở hoạt động.

**3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**3.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019	
Ông Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019	
Ông Ngô Văn Lụi	Thành viên	16/05/2019	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

**3.2 Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	
Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	
Bà Phan Lê Diễm Châu	Thành viên	16/05/2019	

**4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Bà Phạm Thị Thanh Sương	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	04/07/2019	

**4. Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	

**5. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

**6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**7. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019

**8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**9. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**BÙI VĂN QUÝ**

**Tổng Giám đốc**

Đắk Lắk, Ngày 31 tháng 03 năm 2020





Số: 23/2020/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/07/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành quyết toán vốn Nhà nước cho giai đoạn từ ngày 01/07/2017 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) đến ngày 30/06/2019 (ngày cuối cùng trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần). Do đó, phần quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước này có thể ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ (nếu có) có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Mục I.6.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Ban Quản lý dự án Thoát nước Thành phố Buôn Ma Thuột, nhằm theo dõi quản lý dự án “Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột” do cơ quan phát triển Đan Mạch tài trợ, nên hạch toán kế toán và Báo cáo tài chính riêng, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đăk Lăk tại Quyết định số 2332/1999/QĐ-UB ngày 17/09/1999 của UBND Tỉnh Đăk Lăk và các văn bản có liên quan. Vì vậy, chúng tôi lưu ý người đọc rằng, báo cáo tài chính này của Công ty cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 không bao gồm số liệu của bộ phận này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



**Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2019)	Số đầu năm (Tại ngày 01/07/2019)
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>80.221.678.156</b>	<b>82.701.020.545</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>55.714.467.629</b>	<b>58.432.905.280</b>
111	1. Tiền		25.714.467.629	28.432.905.280
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.921.714.640</b>	<b>22.239.287.421</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	20.390.870.246	18.836.813.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	443.443.990	2.186.849.090
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.242.055.510	1.215.624.767
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(154.655.106)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>1.406.702.945</b>	<b>1.600.693.620</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.406.702.945	1.600.693.620
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>178.792.942</b>	<b>428.134.224</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		178.792.942	22.954.204
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	-	405.180.020
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>957.862.781.859</b>	<b>1.003.068.249.487</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>148.230.418.887</b>	<b>153.041.021.160</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	148.230.418.887	153.041.021.160
222	- Nguyên giá		304.424.768.356	303.103.170.174
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.194.349.469)	(150.062.149.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		208.000.000	208.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(208.000.000)	(208.000.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>808.480.367.244</b>	<b>849.260.980.063</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	808.480.367.244	849.260.980.063
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.151.995.728</b>	<b>766.248.264</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.151.995.728	766.248.264
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.038.084.460.015</b>	<b>1.085.769.270.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**


Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2019)	Số đầu năm (Tại ngày 01/07/2019)
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>87.433.335.084</b>	<b>88.887.037.154</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>87.433.335.084</b>	<b>88.887.037.154</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	25.665.300.278	22.241.785.881
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	2.211.951.912	1.401.337.912
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	918.696.351	4.155.047.051
314	4. Phải trả người lao động		6.967.140.901	8.849.861.836
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	187.000.000	346.340.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	40.508.790.913	40.882.608.494
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	10.974.454.729	11.010.055.980
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>950.651.124.931</b>	<b>996.882.232.878</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>69.588.061.936</b>	<b>66.200.000.000</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.200.000.000	66.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.200.000.000	66.200.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.19	3.388.061.936	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.388.061.936	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>881.063.062.995</b>	<b>930.682.232.878</b>
431	1. Nguồn kinh phí		787.449.923.815	834.031.695.698
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		93.613.139.180	96.650.537.180
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.038.084.460.015</b>	<b>1.085.769.270.032</b>

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	58.576.457.603	64.013.957.497
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		28.124.182	147.036.909
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.548.333.421	63.866.920.588
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	48.929.847.244	51.532.225.779
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.618.486.177	12.334.694.809
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	701.775.210	723.583.579
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	6.092.370.414	5.755.402.656
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.227.890.973	7.302.875.732
31	11. Thu nhập khác	VI.5	45.569.826	260.562.633
32	12. Chi phí khác	VI.6	15.093.466	452.864.658
40	13. Lợi nhuận khác		30.476.360	(192.302.025)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.258.367.333	7.110.573.707
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V. 7	870.305.397	2.004.164.604
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.388.061.936	5.106.409.103
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	512	
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	512	

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		60.755.603.558	79.306.768.455
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(16.250.857.971)	(15.744.554.605)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.568.404.620)	(36.242.154.351)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.534.820.507)	(1.029.631.621)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.847.008.452	54.633.272.443
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.186.334.455)	(59.649.587.758)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.937.805.543)</b>	<b>21.274.112.563</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản		(1.465.918.182)	(28.077.400.667)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		686.049.337	636.418.282
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(779.868.845)</b>	<b>(27.440.982.385)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(2.717.674.388)</b>	<b>(6.166.869.822)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		58.432.905.280	64.610.240.582
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(763.263)	(10.465.480)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>55.714.467.629</b>	<b>58.432.905.280</b>

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám Đốc



BÙI VĂN QUÝ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 6000179936 (được điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25/06/2019 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 cấp ngày 05/09/2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/07/2019, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và chưa bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay công ty có các bộ phận như sau:

##### 6.1 Các đơn vị trực thuộc

STT	Tên	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
1	Ban QLDA Thoát nước Buôn Ma Thuột	01 Đào Duy Từ, P Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Độc lập

6.2 Ngoài ra, theo quyết định số 3223/1999/QĐ-UB ngày 17/09/1999 của UBND Tỉnh Đắk Lắk và các văn bản khác có liên quan, thì hiện nay, công ty có một đơn vị trực thuộc là BQLDA Thoát nước Buôn Ma Thuột. Bộ phận này là đơn vị sự nghiệp có thu (tự trang trải tiền lương và các chi phí khác), có khuôn dấu riêng, và mở tài khoản giao dịch để thực hiện tư vấn, quản lý dự án.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 707 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/07/2019 là 738 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo này được lập cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đèo Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

## **14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

## **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

## **16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái ....

## **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

## **18. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2019 như sau:

Tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Đắk Lắk tại 31/12/2019 là 23.107 VND/USD

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Tiền mặt tại quỹ		70.095.982		958.714.327
- Tiền gửi ngân hàng		25.644.371.647		27.474.190.953
+ Vietcombank - CN Đắk Lắk (VND)		23.671.911.658		21.523.491.953
+ Vietin - CN Đắk Lắk (VND)		1.248.400.277		2.298.558.355
+ Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk (VND)		715.426.706		2.691.276.145
+ Agribank - CN Đắk Lắk (VND)		-		917.039.231
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN CN Đắk Lắk (USD)	373,61 #	8.633.006	1.885,12 #	43.825.269
<b>Cộng</b>		<b>25.714.467.629</b>		<b>28.432.905.280</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**2. Tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	12.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	3.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	9.000.000.000	9.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đắk Lắk	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	13.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đắk Lắk	13.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng là các đối tượng khác</b>	<b>20.390.870.246</b>	<b>18.836.813.564</b>
Phòng quản lý đô thị	14.138.903.962	11.989.975.962
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	942.032.736	945.029.736
Phòng Tài chính KH Thành Phố	2.389.834.000	2.191.514.000
Các đối tượng khác	2.920.099.548	3.710.293.866
<b>Cộng</b>	<b>20.390.870.246</b>	<b>18.836.813.564</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các đối tượng khác</b>	<b>443.443.990</b>	<b>2.186.849.090</b>
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng	-	1.888.708.000
Phạm Vĩnh Nguyên	98.669.201	98.669.201
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trí Tín	57.282.000	57.282.000
Các đối tượng khác	287.492.789	142.189.889
<b>Cộng</b>	<b>443.443.990</b>	<b>2.186.849.090</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
(xem thuyết minh VII.1c)	<b>8.290.000</b>	-	-	-
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	8.290.000	-	-	-
<b>Phải thu khác là các đối tượng khác</b>	<b>2.233.765.510</b>		<b>1.215.624.767</b>	
Lãi dự thu	102.891.170	-	87.165.297	-
Tạm ứng	597.789.398	-	179.587.356	-
Phải thu nhân viên về BHXH	790.941.323	-	-	-
Thu lại tiền thưởng ban QLĐH	190.500.000	-	-	-
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	-	-	124.117.950	-
TT phát triển quỹ đất TP BMT	390.670.000	-	390.670.000	-
		-	-	-
Phải thu khác	160.973.619	-	434.084.164	-
<b>Cộng</b>	<b>2.242.055.510</b>	<b>-</b>	<b>1.215.624.767</b>	<b>-</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	-
<b>Cộng</b>	<b>154.655.106</b>	<b>-</b>

**Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Số dư đầu năm	-	130.715.053
Tăng trong năm	154.655.106	-
Hoàn nhập trong năm	-	(130.715.053)
<b>Cộng</b>	<b>154.655.106</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	214.160.395	-	314.757.162	-
Công cụ, dụng cụ	69.799.704	-	24.596.323	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.122.742.846	-	1.261.340.135	-
<b>Cộng</b>	<b>1.406.702.945</b>	<b>-</b>	<b>1.600.693.620</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019*

---

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2019.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2019
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	204.096.322.388	37.561.944.524	60.035.296.575	1.378.246.687	31.360.000	303.103.170.174
Mua sắm trong năm	-	-	1.295.918.182	-	170.000.000	1.465.918.182
Giảm khác	-	-	-	(144.320.000)	-	(144.320.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>204.096.322.388</b>	<b>37.561.944.524</b>	<b>61.331.214.757</b>	<b>1.233.926.687</b>	<b>201.360.000</b>	<b>304.424.768.356</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	20.876.348.062	33.290.772.524	57.903.930.757	1.233.926.687	201.360.000	113.506.338.030
- TSCĐ dùng công ích	178.643.107.326	4.271.172.000	1.992.101.000	-	-	184.906.380.326
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.576.867.000	-	1.435.183.000	-	-	6.012.050.000
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	91.565.231.075	11.750.532.619	45.612.889.088	1.102.136.232	31.360.000	150.062.149.014
Khấu hao trong năm	3.283.791.500	1.337.466.500	1.541.071.000	39.503.455	14.167.000	6.215.999.455
Giảm khác	-	-	-	(83.799.000)	-	(83.799.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>94.849.022.575</b>	<b>13.087.999.119</b>	<b>47.153.960.088</b>	<b>1.057.840.687</b>	<b>45.527.000</b>	<b>156.194.349.469</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	7.829.556.675	9.251.552.119	45.523.507.088	1.057.840.687	45.527.000	63.707.983.569
- TSCĐ dùng công ích	86.353.816.900	3.836.447.000	970.269.000	-	-	91.160.532.900
- TSCĐ dùng phúc lợi	665.649.000	-	660.184.000	-	-	1.325.833.000
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	112.531.091.313	25.811.411.905	14.422.407.487	276.110.455	-	153.041.021.160
<b>Số cuối năm</b>	<b>109.247.299.813</b>	<b>24.473.945.405</b>	<b>14.177.254.669</b>	<b>176.086.000</b>	<b>155.833.000</b>	<b>148.230.418.887</b>
<b>Trong đó:</b>						
- TSCĐ dùng kinh doanh	13.046.791.387	24.039.220.405	12.380.423.669	176.086.000	155.833.000	49.798.354.461
- TSCĐ dùng công ích	92.289.290.426	434.725.000	1.021.832.000	-	-	93.745.847.426
- TSCĐ dùng phúc lợi	3.911.218.000	-	774.999.000	-	-	4.686.217.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đèo Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 53.945.662.789 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 0 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình máy móc thiết bị tạm thời chưa sử dụng tại 31/12/2019 là 14.398.722.586 đồng.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 30/06/2019 bao gồm giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác với số tiền là 32.928.110.482 đồng. Chi tiết:

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>		<b>22.217.357.133</b>	<b>814.441.000</b>	<b>21.402.916.133</b>
1	Máy đầm rác Caterpillar		8.798.483.699	-	8.798.483.699
2	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	814.441.000	7.004.193.547
3	Máy đào bánh xích Caterpillar	47XA-1048	5.600.238.887	-	5.600.238.887
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>		<b>10.710.753.349</b>	<b>1.800.234.000</b>	<b>8.910.519.349</b>
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	206.141.000	1.495.942.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	259.551.000	1.883.528.465
3	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15655	1.647.059.493	364.502.000	1.282.557.493
4	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15642	1.647.059.493	298.002.000	1.349.057.493
5	Xe cuốn ép rác 9m <sup>3</sup>	47C-15640	1.647.059.493	247.019.000	1.400.040.493
6	Xe cuốn ép rác 15m <sup>3</sup>	47C-15575	1.924.412.297	425.019.000	1.499.393.297
<b>Cộng</b>			<b>32.928.110.482</b>	<b>2.614.675.000</b>	<b>30.313.435.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>208.000.000</b>	<b>208.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 208.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2019 là 0 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	808.480.367.244	849.260.980.063
- Bãi chôn chất thải rắn	6.341.692.000	6.341.692.000
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngô gia tự- Tôn đức thắng	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT công viên Tân Thành (Công viên Sơn La) thành phố Buôn Ma Thuột	6.024.313.000	6.024.313.000
- CT Hỗ trợ di dời mộ tại Ngĩa trang Phan Bội Châu	-	11.536.921.040
- Công trình Cải tạo nâng cấp HT mương thoát nước phường Tân Tiến	42.661.620.699	41.918.519.000
- CT cải tạo vỉa hè đường Đinh Tiên Hoàng	1.958.402.000	1.947.375.000
- CT mở rộng nâng cấp đường y nông đoạn từ MXT đến TLI	23.952.102.059	23.952.102.059
- CT đường vào Viện KHCN nông lâm nghiệp Tây Nguyên	20.511.243.040	20.511.243.040
- CT Đường liên khối 6 P. Khánh Xuân	15.222.608.000	15.222.608.000
- Thâm BTN 06 trục đường nội thành	26.020.410.000	25.348.882.000
- Công trình đường đi thôn 8 xã Cư ẻ bua	17.413.000.000	16.319.267.662
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	218.855.268.710	216.581.159.246
- CT mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý cáp ( đoạn Ywang - NV cũ)	292.028.898.736	287.748.230.016
- Thâm BTN một số tuyến đường thành phố BMT (50 tuyen)	66.290.500.000	66.093.638.000
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	60.786.961.000	60.686.961.000
- CT Hệ thống điện CS đường vành đai phía tây	-	38.644.897.000
- Công viên Sơn La TP Buôn Ma Thuột (giai đoạn 2)	6.808.863.000	6.778.687.000
<b>Cộng</b>	<b>808.480.367.244</b>	<b>849.260.980.063</b>

Giá trị đầu tư tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	714.695.169	220.627.743
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	411.308.437	536.470.237
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	25.992.122	9.150.284
<b>Cộng</b>	<b>1.151.995.728</b>	<b>766.248.264</b>

**Tình hình tăng giảm chi phí trả trước**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Số dư đầu năm	766.248.264	579.018.103
Tăng trong năm	1.417.249.332	1.069.259.299
Phân bổ trong năm	(1.031.501.868)	(882.029.138)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.151.995.728</b>	<b>766.248.264</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1.c)</b>	<b>12.151.110.000</b>	-
<b>Phải trả người bán là các đối tượng khác</b>	<b>13.514.190.278</b>	<b>22.241.785.881</b>
Công Ty TNHH An Nguyên	8.152.055.000	8.152.055.000
Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam	-	9.588.059.000
Công ty TNHH Phương Đông	2.043.031.600	1.563.157.600
Các đối tượng khác	3.319.103.678	2.938.514.281
<b>Cộng</b>	<b>25.665.300.278</b>	<b>22.241.785.881</b>

Tại ngày 31/12/2019 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1c)	-	-
<b>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>2.211.951.912</b>	<b>1.401.337.912</b>
Công ty TNHH MTV MT	331.808.912	331.808.912
Các đối tượng khác	1.880.143.000	1.069.529.000
<b>Cộng</b>	<b>2.211.951.912</b>	<b>1.401.337.912</b>

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	88.939.505	599.234.143	3.001.189.053	2.840.491.189	-	670.992.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	1.891.963.518	876.469.034	2.534.820.507	-	233.612.045
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.931.390	91.271.509	105.111.095	-	14.091.804
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	316.240.515	-	316.240.515	-	-	-
Các loại thuế khác	-	139.671.318	-	139.671.318	-	-
Phí và lệ phí	-	1.496.246.682	-	1.496.246.682	-	-
<b>Cộng</b>	<b>405.180.020</b>	<b>4.155.047.051</b>	<b>4.285.170.111</b>	<b>7.116.340.791</b>	<b>-</b>	<b>918.696.351</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

(\*) Trong tổng số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong năm bao gồm 6.163.637 đồng là thuế TNDN phải nộp cho nhà nước từ tiền cho thuê nhà vệ sinh lưu động là tài sản công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao Công ty quản lý sử dụng, Số tiền này sau khi nộp 20% thuế TNDN, Công ty chuyển trả về cho Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.258.367.333	7.110.573.707
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	93.159.650	856.578.888
Điều chỉnh tăng	93.159.650	856.578.888
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	5.559.650	344.060.251
- Các khoản chi phí không được trừ	-	464.720.455
- Tiền thu cho thuê mặt bằng đã nộp về ngân sách	-	47.798.182
- Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	87.600.000	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.351.526.983	7.967.152.595
Thuế TNDN	870.305.397	2.004.164.604
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	870.305.397	1.593.430.519
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	410.734.085
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>870.305.397</b>	<b>2.004.164.604</b>

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước phụ cấp độc hại	-	247.340.000
- Chi phí kiểm toán	187.000.000	99.000.000
<b>Cộng</b>	<b>187.000.000</b>	<b>346.340.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**16. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả khác các đối tượng khác</b>	<b>40.508.790.913</b>	<b>40.882.608.494</b>
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	6.843.152.882	6.843.152.882
- Kinh phí công đoàn	75.511.387	133.511.833
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	173.305.791	567.581.160
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (**)	32.928.110.482	32.928.110.482
- Tạm ứng	235.867.895	-
- Phải trả khác	252.842.476	410.252.137
<b>Cộng</b>	<b>40.508.790.913</b>	<b>40.882.608.494</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 66.200.000.000 VND, phần giá trị còn lại 6.798.170.162 đồng được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Đồng thời trong tổng số dư phải trả về cổ phần hóa này bao gồm chênh lệch các khoản phải thu – phải trả liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Công ty như các khoản chi phí cổ phần hóa, chi chế độ lao động dôi dư, thu tiền bán cổ phần. Tại thời điểm lập báo cáo này các khoản thu chi trên chưa có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

(\*\*) Đây là giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác với giá trị là 32.928.110.482 đồng. (Tham chiếu thuyết minh số V.8).

**(\*) Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa**

Vốn Nhà nước tại 30/06/2017 (thời điểm định giá):	78.676.833.039
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/07/2017 đến 30/06/2019)	(5.678.662.877)
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/06/2019	15.268.333.753
- Giá trị tài sản dùng cho hoạt động sự nghiệp chuyển sang kinh doanh	273.311.000
- Giá trị tài sản sân bãi đồ xe	873.577.000
- Chênh lệch tỷ giá	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.407.651.041)
- Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	(248.490.000)
- Lợi nhuận nộp về ngân sách Nhà nước	(1.496.246.682)
- Giá trị tài sản dùng cho kinh doanh chuyển sang hoạt động sự nghiệp	(7.054.022.907)
- Mua 10 nhà vệ sinh di động dùng cho hoạt động sự nghiệp	(887.474.000)
Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần	(66.200.000.000)
Chi phí cổ phần hóa giữ lại chi không hết phải nộp về Nhà nước	44.982.720
<b>Phải trả về cổ phần hóa tại 31/12/2019</b>	<b>6.843.152.882</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	2.364.238.630	2.364.252.669
Quỹ phúc lợi	3.923.999.099	4.045.718.311
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	4.686.217.000	4.848.585.000
Quỹ thường ban quản lý, điều hành	-	(248.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.974.454.729</b>	<b>11.010.055.980</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18 a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/07/2019	66.200.000.000	-	-	66.200.000.000
Tăng trong năm	-	-	3.388.061.936	3.388.061.936
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.388.061.936</b>	<b>69.588.061.936</b>

**18 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	100,00%	66.200.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	34,89%	23.097.000.000	0,00%	-
Ngô Văn Lui	10,00%	6.620.000.000	-	-
Các cổ đông khác	19,11%	12.651.000.000	0,00%	-
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>66.200.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>66.200.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18 c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>Kỳ này</b> (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	<b>Kỳ trước</b> (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	66.200.000.000	75.814.321.669
- Vốn góp tăng trong năm	-	273.311.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	(9.887.632.669)
- Vốn góp cuối năm	66.200.000.000	66.200.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		

**19 d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b> <b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000

**19 e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>Kỳ này</b> (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	<b>Kỳ trước</b> (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	6.751.917.379
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	3.388.061.936	5.106.409.103
Phân phối lợi nhuận	-	11.858.326.482
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	6.453.384.379
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.935.450.400
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.517.933.979
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	5.404.942.103
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.349.543.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.559.152.421
- Lợi nhuận còn lại nộp về Nhà nước	-	1.496.246.682
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>3.388.061.936</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**19. Tài khoản ngoài bảng****a. Ngoại tệ các loại**

	Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	USD	373,61	1.885,12

**b. Tài sản nhận giữ hộ**

Tài sản nhận giữ hộ là các tài sản bỏ ra khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, hiện Công ty vẫn đang quản lý chưa bàn giao về cho cơ quan nhà nước, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số cuối năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000	1.050.235.000	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.317.235.000</b>	<b>1.317.235.000</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)****1. Doanh thu**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Doanh thu bán hàng hóa	57.809.085	978.075.520
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.474.031.262	51.696.719.229
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.044.617.256	11.339.162.748
<b>Cộng</b>	<b>58.576.457.603</b>	<b>64.013.957.497</b>

**2. Giá vốn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.640.255	502.871.860
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.791.878.474	40.945.871.101
Giá vốn của hoạt động xây lắp	9.095.328.515	10.083.482.818
<b>Cộng</b>	<b>48.929.847.244</b>	<b>51.532.225.779</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	701.775.210	723.583.579
<b>Cộng</b>	<b>701.775.210</b>	<b>723.583.579</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	19.466.755	152.476.765
Chi phí nhân viên quản lý	3.154.984.029	3.463.588.716
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	257.799.500	104.949.500
Dự phòng nợ phải thu	154.655.106	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	(130.715.053)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	672.483.160	526.334.255
Chi phí khác bằng tiền	1.832.981.864	1.638.768.473
<b>Cộng</b>	<b>6.092.370.414</b>	<b>5.755.402.656</b>

**5. Thu nhập khác**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Thu thanh lý, nhượng bán TSLĐ	-	32.030.454
Thu bồi thường	32.655.000	32.938.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	2.005.735	-
Thu nhập khác	10.909.091	195.594.179
<b>Cộng</b>	<b>45.569.826</b>	<b>260.562.633</b>

**6. Chi phí khác**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Các khoản phạt và truy thu thuế	5.559.650	344.060.251
Chi phí sửa chữa điện hỏng đã được bồi thường	-	27.082.000
Các khoản khác	9.533.816	81.722.407
<b>Cộng</b>	<b>15.093.466</b>	<b>452.864.658</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.608.505.634	13.527.328.487
Chi phí nhân công	35.391.069.300	34.320.751.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.016.233.455	2.406.784.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.973.755.820	2.011.617.068
Chi phí khác bằng tiền	3.796.022.519	4.726.484.965
<b>Cộng</b>	<b>54.785.586.728</b>	<b>56.992.966.186</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.388.061.936
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.388.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>512</b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.388.061.936
dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.388.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>512</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Cổ đông lớn chiếm 34,89% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan****b.1 Các giao dịch mua bán khác**

Tên Công ty	Giao dịch	Kỳ này (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Mua vật tư	288.800.000	
	Dịch vụ xây lắp	2.245.271.000	

**c. Số dư với các bên liên quan**

Tên Công ty	31/12/2019	01/07/2019
<b>Nợ phải thu khác ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	8.290.000	124.117.950
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	12.151.110.000	9.588.059.000

**d. Thu nhập của Ban điều hành**

	Kỳ này (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)	
Tiền lương	698.278.000	
Phụ cấp, thù lao	90.600.000	
Cổ tức	-	
<b>Cộng</b>	<b>788.878.000</b>	

**2. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý  
Doanh thu giá vốn của Công ty theo khu vực địa lý chỉ phát sinh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.
- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

STT	Nội dung	Kỳ này (Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019)	Kỳ trước (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)
<b>1.</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>58.576.457.603</b>	<b>64.013.957.497</b>
	Doanh thu bán hàng hóa	57.809.085	978.075.520
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.474.031.262	51.696.719.229
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.044.617.256	11.339.162.748
<b>2.</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>28.124.182</b>	<b>147.036.909</b>
	Giảm giá hàng bán dịch vụ	11.164.182	52.387.909
	Giảm giá hàng bán xây dựng	16.960.000	94.649.000
<b>2.</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>48.929.847.244</b>	<b>51.532.225.779</b>
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.640.255	502.871.860
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.791.878.474	40.945.871.101
	Giá vốn của hoạt động xây lắp	9.095.328.515	10.083.482.818
<b>3.</b>	<b>Lãi gộp</b>	<b>9.618.486.177</b>	<b>12.334.694.809</b>
	Bán hàng hóa	15.168.830	475.203.660
	Cung cấp dịch vụ	8.670.988.606	10.698.460.219
	Hợp đồng xây dựng	932.328.741	1.161.030.930

**3. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì không cùng kỳ so sánh.

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

  
**TRẦN THỊ THẢO**

Kế toán trưởng

  
**LÊ NGUYỄN VŨ**

Tổng Giám đốc



